

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ "BẢN THÂN"
LỚP MẪU GIÁO GHEP 3 , 4 , 5 TUỔI
Thực hiện từ ngày 6 /10 – đến ngày 31 /10/2025)

TT	MT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục		Hoạt động giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
				Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất							
a) Phát triển vận động							
1	1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,4,5T: Hô hấp: Hít vào, thở ra. * 3,4 T: ` Quay sang trái, sang phải ` Nghiêng người sang trái, sang phải.	` Bắt chéo 2 tay trước ngực	Hoạt động học; - Thẻ dục sáng - Hô hấp: Gà gáy - Tay: + Hai : Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). +Bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lưng, bụng: Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải ` Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: +Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. + Chân đưa ra phía	
2	2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh		Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu). ` Nhún chân. ` Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.		
3	3	5	Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp				

						trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.	
4	4	3	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi kiễng gót liên tục 3m.		` Đi kiễng gót.	- HDH: +Đi kiễng gót.(3t) + Đi	
5	5	4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	4,5 T: ` Đi khuyu gối	- Đi lùi. ` Đi nổi bàn chân tiến, lùi	lùi.(4t) + Đi nổi bàn chân tiến, lùi.(5t)	
6	6	5	Trẻ biết giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi nổi bàn chân tiến, lùi.				
7	10	3	Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng cách 2,5 m).		Lăn bắt bóng với cô	+ Tung bắt bóng với cô.(3t) + Tung bóng lên	
8	11	4	Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: -Tung bóng lên cao và bắt: bắt được 3 lần liên không rơi bong khoảng cách 3m	-* 4,5 T: - Tung bóng lên cao và bắt bóng		cao và bắt bóng.(4-5t)	
9	12	5	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bóng lên cao và bắt, bắt được 3 lần liên không rơi bóng khoảng cách 4m				
10	13	3	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	3T: Bò dích dắc 4T: Bò dích dắc qua 5 điểm. 5T: Bò dích dắc qua 7 điểm.		+ Bò dích dắc(3t) +Bò dích dắc qua 5điểm.(4t) +Bò dích dắc qua 7điểm.(5t) - HĐ chơi: +Chuyên bóng +Mèo đuổi chuột	
11	14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Bò dích dắc qua 5 điểm.				
12	15	5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập				

			tổng hợp: - Bò vòng qua 6 - 7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.			+Kéo co	
13	16	3	Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	3 T: Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay.		- HĐ lao động: + LĐ tự phục vụ: Tự cài, cởi quần áo, cởi giày.	
14	17	4	Trẻ thực hiện được các vận động: Cuộn - xoay tròn cổ tay gập, mở, các ngón tay	- 4T: Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi ...		- HĐC: + Góc nghệ thuật: Cắt dán chắp ghép các hình	
15	18	5	Trẻ thực hiện được các vận động: - Uôn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- 5T: Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay		+ Góc xây dựng: Lắp ráp. Xếp chồng các khối gỗ. Hoạt động học; + Vẽ bạn trai, bạn gái	
16	19	3	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc	* 3T: - Xếp chồng các hình khối khác nhau			
17	20	4	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.	- Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài cởi cúc * 4T: - Tô,vẽ hình. - Cài, cởi cúc khâu, buộc dây		+ Nặn các loại quả Hoạt động chơi; + Góc học tập: Hoàn thành vở tập tô	
18	21	5	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. + Cắt được đường viền của hình vẽ.	* 5T: - Tô đồ theo nét. + Vẽ hình và sao chép các chữ cái a, ă, â, chữ số, sắp xếp các hình theo qui tắc. + Cắt tranh ảnh làm album.		chữ a, ă, â. Sắp xếp các hình theo các qui tắc. + Góc nghệ thuật: Cắt dán, tô màu các loại trang phục	

						của bé... + Nặn các loại quả bé thích... Hoạt động học: + Tập tô chữ cái a, ă, â	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe							
19	22	3	- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết, phân biệt được 4 nhóm thực phẩm: + Thực phẩm giàu chất đạm. + Chất béo. + Chất bột đường. + VTM và muối khoáng		- HĐ học: + Nhận biết, phân biệt 4 nhóm thực phẩm. - HĐ ăn, ngủ, vệ sinh + Trò chuyện về một số món ăn thông thường và cách chế biến. + Trò chuyện với trẻ về ích lợi của việc ăn chín uống sôi, + Xem video, tranh ảnh, trò chuyện về các hành vi vệ sinh cá nhân tốt. + Thực hành: Đánh răng, rửa mặt, rửa tay. + Thực hành: Tự	
20	23	4	- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. + Rau, quả chín có nhiều vitamin.				
21	24	5	- Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...				
22	25	3	- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.		Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	
23	26	4	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...				
24	27	5	- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...				
25	28	3	- Trẻ biết ăn để chóng lớn,	- Nhận biết sự			

			khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau	liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).		thay quần áo khi thấy bị ướt, bẩn, mặc quần áo phù hợp với thời tiết.	
26	29	4	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			+ Thực hành: Đi vệ sinh đúng nơi qui định, gội nước sau khi đi vệ sinh.	
27	30	5	- Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.		- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống	+ Bỏ rác đúng nơi qui định, không nhổ bậy ra lớp.	
28	31	3	Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo	3,4.5T - Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. 4,5 T: Đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tháo tất, cởi quần, áo	+ Sau khi ăn: Xúc miệng bằng nước muối Hoạt động chơi: + Góc phân vai: Chơi nấu ăn	
29	33	4	- Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.		- Thay quần, áo khi bị ướt, bẩn		
30	34		- Trẻ có thể tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		- cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.		
31	35	5	- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau đánh răng. + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy		- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy		

			định. + Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch.		định. - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách		
32	36		- Trẻ có thể sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo				
33	37	3	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi	- Một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...			
34	38	4	- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... + Không uống nước lã.				
35	39	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.				
36	40	3	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.		- Nhận biết trang phục theo thời tiết.		
37	41	4	- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi	* 4,5tuổi + Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ			

			bị ốm	sinh môi trường đôi với sức khỏe con người.			
38	42	5	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Che miệng khi ho, hắt hơi. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	* 4,5T: Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết * 3,4,5 tuổi - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.			

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

a .Khám phá khoa học

39	56	3	- Trẻ có khả năng sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.. - Đặc điểm, ích lợi hoa, quả. Đối với con người		Hoạt động học: - KPKH: + Khám phá bàn tay (5 ^E) - Hoạt động chơi: + <i>Trò chơi học tập:</i> <i>Tay cầm tay</i> - HĐ ăn ngủ vệ sinh + Trò chuyện về cách vệ sinh cơ thể sạch sẽ mỗi ngày + Trò chuyện về các món ăn + Trò chuyện về trang phục của bé	
40	60	4	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.		- HĐ ăn ngủ vệ sinh + Trò chuyện về cách vệ sinh cơ thể sạch sẽ mỗi ngày + Trò chuyện về các món ăn + Trò chuyện về trang phục của bé	
41	64	5	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	- Sự thay đổi trang phục của con người theo mùa.		- HĐ chơi: + TCVD: Thi xem đội nào nhanh.	

						- Thi chọn trang phục của bé - Thi nấu ăn - Góc: phân vai + Nấu ăn + Cho em ăn, tắm cho em + Đi khám bệnh....	
42	78	3	- Trẻ thể hiện được một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	- Một số hiểu biết về các bộ phận trên cơ thể, qua một số bài hát, sản phẩm tạo hình...		Hoạt động chơi: +Góc nghệ thuật: Hát các bài hát về chủ đề... +Góc tạo hình: Vẽ bạn trai, bạn gái, nặn các loại quả	
43	79	4	- Trẻ thể hiện được một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình				
44	80	5	- Trẻ thể hiện được hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình				
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán							
45	100	3	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	*3, 4 tuổi - Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi *4, 5tuổi. - So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.Xếp xen kẽ.	- Xếp xen kẽ	Hoạt động học - Xếp sen kẽ (3t - Sắp xếp theo quy tắc (4-5t) - Hoạt động chơi: + Trò chơi: Hoàn thiện qui tắc sắp xếp. HĐ học: - XD vị trí trên dưới trước sau	
46	101	4	Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.		- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan. - Tạo ra qui tắc sắp xếp		
47	102	5	Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. - Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp				
48	109	3	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- 3T: Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. 4,5 T:			
49	110	4	- Trẻ sử dụng lời nói và	- Xác định vị trí của đồ vật so			

			hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái (5T: với một vật nào đó làm chuẩn)	phải trái của bản thân (3T) - XD vị trí trên dưới trước sau phải trái của đồ vật so với bạn khác.(4t) - XD vị trí trên dưới, trước sau, phải trái của đồ vật so với với một vật nào đó làm chuẩn. (5t)	
50	111	5	- Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.			

c. Khám phá xã hội

51	114	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- 3T: Tên, tuổi, giới tính của bản thân.		- HD đón trả trẻ: Trò chuyện về tên tuổi, giới tính của trẻ	
52	115	4	-Trẻ biết nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- 4,5T: Họ tên, tuổi, giới tính, đặc		- HD chiều: TCHT: Làm theo hiệu lệnh - HD chiều: TCHT: Tôi vui tôi buồn	
53	116	5	- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	điểm bên ngoài, sở thích của bản thân	Vị trí của trẻ trong gia đình		

3.Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

54	139	3	- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản bằng tiếng việt, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	Hiểu và làm theo yêu cầu: 3t đơn giản., 4T: 2, 3 yêu cầu, 5t: 2, 3 yêu cầu liên tiếp.		* Hoạt động học - Thơ: phải là hai tay: (băn khoăn, 2 tay, hiểu thảo) - Thơ: Bé đi chợ	
55	140	4	- Trẻ Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp bằng tiếng việt, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.				
56	141	5	Trẻ thực hiện được các yêu				

			cầu trong hoạt động tập thể bằng tiếng việt, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.			(xua tay, âu yếm, cảm ơn) - Truyện: câu chuyện tay trái và tay phải	
57	142	3	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: chỉ các bộ phận, giác quan của cơ thể.	- 3T: Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	.	(sương sương, buồn bã, lắng lắng)	
58	143	4	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: chỉ các bộ phận, giác quan của cơ thể.	- 4T: Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.		- Truyện: Giác mơ kì lạ (Mặt mới, uể oải, khỏe khoắn)	
59	144	5	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: chỉ các bộ phận, giác quan của cơ thể.	- 5T: Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.		- Đồng dao: Nu na nu nóng... *Hoạt động học:	
60	145	3	- Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.(4,5t: câu phức)		- Gọi tên 4 nhóm thực phẩm, món ăn: <i>Chất béo, chất đạm, vitamin, bột đường</i>	
61	146	4	- Trẻ lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Nghe hiểu nội dung chuyện kể, “giấc mơ kì lạ, truyện tay trái tay phải”chuyện đọc phù hợp với độ tuổi		+Xem tranh ảnh vi deo về lễ giáo: (chào cô, chào bố mẹ khi đến lớp và khi ra về, ...)	
62	147	5	- Trẻ lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nghe các bài hát bài mừng sinh nhật, rửa mặt như mèo, mời bạn ăn, đường và chân + bài thơ “ Phải là hay tay, bé đi cho” đồng dao nu na nu nóng		* Hoạt động ăn: - Trẻ biết mời cô, mời bạn trước khi ăn.	
63	148	3	- Trẻ có thể nói rõ các tiếng.	- Phát âm các tiếng của tiếng	*3,4T:	- Trò	
64	149	4	- Trẻ có thể nói rõ để người		Sử dụng		

			nghe có thể hiểu được.	Việt. - Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	các từ biểu thị sự lễ phép	chuyện với trẻ trong giờ đón trẻ, trả trẻ về trang phục...	
65	150	5	- Trẻ có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.		- Cho trẻ xem video biết trò đến lượt, phép lịch sự	
66	151	3	-Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	*3,4T: Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép như cảm ơn, xin lỗi, mời - 5T: Sử dụng các từ biểu cảm hình tượng		trong giao tiếp..... Hoạt động học + Đồng dao cái bóng - HĐ học: + Làm quen chữ cái: a,ă,â + Tập tô chữ cái: a,ă,â - Hoạt động chơi: + Góc học tập: xem sách tranh chuyện về trang phục của bé	
67	152		- Trẻ có thể sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.				
69	154	4	- Trẻ sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.				
70		5					
71	156		- Trẻ sử dụng được các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống.				
72	157	3	- Trẻ có thể sử dụng được câu đơn, câu ghép	3T Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng, 4T: câu ghép. - 5T: Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau			
73	158	4	- Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.				
74	159	5	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh				
75	166	3	- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp			
76	167	4	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.				

77	168	5	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh				
78	169	3	- Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... Phải là hay tay, bé đi chợ” đồng dao nu na nu nống	* 3,4,5T: + Nghe hiểu nội dung Thơ: Phải là hay tay, bé đi chợ, đồng dao nu na nu			
79	170	4	- Trẻ có thể đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... Phải là hay tay, bé đi chợ” đồng dao nu na nu nống				
80	171	5	- Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... Phải là hay tay, bé đi chợ” đồng dao nu na nu nống				
81	183	3	- Trẻ thích vẽ, "viết" nguệch ngoạc.	4T: Nhận dạng các chữ cái a, ă, â + Tập tô đồ các nét chữ	- Tiếp xúc với chữ sách, truyện		
82	184	4	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- 5T: Sao chép một số kí hiệu , chữ cái			
83	185	5	- Trẻ biết nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.				
84	186		- Trẻ thích tô, đồ các nét chữ sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.				
85	187	4	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	4,5T: - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)			
86	188	5	- Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...				
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội							
87	189	3	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	* 3, 4 tuổi: Tên, tuổi, giới tính - 3T: Những điều bé thích, không		- HD đón trả trẻ: Trò chuyện	
88	190		- Trẻ nói được điều bé thích, không thích				

89	191	4	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	thích - 4,5T: Sở thích, khả năng của bản thân - Tên bố mẹ		về tên tuổi, giới tính của trẻ, những điều không thích của bản thân trẻ. HĐC: Thi đi nhanh, tìm bạn.			
90	192		- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được						
91	193	5	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân						
92	194		Nói được điều bé thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được						
93	195		- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi - Hoàn thành công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Hoạt động học: - KPKH; Trò chuyện về cơ thể và các giác quan của bé -Hoạt động chơi: +Chơi ngoài trời: QSCMĐ các loại cây, hoa... + dạo quanh sân trường + Trò chơi thí nghiệm + Góc phân vai...			
94	198	3	-Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn, trung thực khi trả lời câu hỏi.						
95	199		- Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).						
96	200	4	- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích		- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.				
97	201		- Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).						
98	202	5	- Trẻ có thể tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).						
99	203		- Trẻ biết cố gắng tự hoàn thành công việc được giao						
100	204	3	- Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc {vui, buồn, sợ hãi, tức giận,(4T: ngạc nhiên),(5T: xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng		- Hoạt động học: + Thực hành: Biểu thị các cảm xúc của khuôn mặt:			
101	205	4	- Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua						

			tranh, ảnh	nói,(4,5T: tranh ảnh),(5T: âm nhạc.)		Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ.	
102	206	5	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác			- Hoạt động chơi:	
103	207	3	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận	3T: Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động		Trò chơi học tập: Tôi vui, tôi buồn	
104	208	4	- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.			- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác	
105	209	5	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.			- Hoạt động lao động:	
106	210		- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè			+ Nhóm lau rửa đồ dùng.	
107	211		- Biết kiểm soát cảm xúc của bản thân			+ Nhóm nhặt lá quét dọn sân trường.	
	238	4	- Trẻ không bẻ cành bứt hoa	4T: Giữ gìn vệ sinh môi trường.		+ Nhóm tưới nước, chăm sóc cây.	
	243	5	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn	5T: Tiết kiệm điện, nước		+ Nhóm xếp đồ chơi.	
						- Hoạt động chơi:	
						+ Gạch những hành vi đúng- sai với môi trường	
5. Lĩnh vực Phát triển thẩm mỹ							
108	244	3	- Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật	- 3,4 T: Bộc lộ cảm xúc, 5T: thể hiện thái độ tình cảm khi nghe âm		Nghe các bài hát; + Em là bông hồng	

			của các sự vật, hiện tượng.	thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật		nhỏ + Gà gáy le te + Thật đáng chê - Hoạt động chơi TC âm nhạc: Nghe tiết tấu tìm đồ vật. + góc nghệ thuật: Biểu diễn hát múa các bài hát trong chủ đề	
109	245		- Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắng nghe theo bài hát, bản nhạc; Em là bông hồng nhỏ, Gà gáy le te, Thật đáng chê. Thích nghe đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ: cái bóng, thích nghe và kể câu chuyện: Giấc mơ kỳ lạ, truyện của tay phải tay trái				
110	246		- Trẻ thấy vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình				
111	247		- Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.			- Hoạt động lao động + Cùng cô chuẩn bị sân khấu biểu diễn các bài hát trong chủ đề	
112	248	4	- Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắng nghe) theo bài hát, bản nhạc. Em là bông hồng nhỏ, Gà gáy le te, Thật đáng chê.			- Hoạt động học:	
113	249		- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.				
114	250	5	- Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng				
115	251		- Trẻ chăm chú lắng nghe và				

			hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc: Em là bông hồng nhỏ, Gà gáy le te, Thật đáng chê. Thích nghe đọc thơ đồng dao, ca dao, tục ngữ: cái bóng, thích nghe và kể câu chuyện: Giấc mơ kỳ lạ, truyện của tay phải tay trái				
116	252		- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về tác phẩm tạo hình. màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.				
117	253	3	- Trẻ biết hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc: Mừng sinh nhật			*HĐH: Âm nhạc - DH: Mừng sinh nhật - VTTTC: Vì sao mèo rửa mặt, mời bạn ăn	
118	254	4	- Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ qua bài hát: Mừng sinh nhật.				
119	255	5	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... qua bài hát: Mừng sinh nhật.				
120	256	3	- Trẻ có khả năng vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc VTTTC: Vì sao mèo rửa mặt, mời bạn ăn,	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc: Vì sao mèo rửa mặt, Mời bạn ăn, - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp - Sử dụng các nguyên vật			
121	257	4	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức VTTTC: Bài hát :Vì sao mèo rửa mặt, mời bạn ăn.				
122	258	5	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái,				

			nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức VTTTC: Bài hát: Vì sao mèo rửa mặt, mời bạn ăn,				
123	259	3	- Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. + Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái + Làm kính đeo mắt. + Cắt dán trang phục của bé	- 3, 4,5 T: Sử dụng,phối hợp, lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm. - 4T: Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích		Hoạt động học: Tạo hình + Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái + Làm kính đeo mắt. + Cắt dán trang phục của bé	
124	260	4	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. + Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái + Làm kính đeo mắt. + Cắt dán trang phục của bé			- Hoạt động chơi góc nghệ thuật... - Hoạt động chơi: + Góc nghệ thuật:	
125	261	5	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm + Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái + Làm kính đeo mắt. + Cắt dán trang phục của bé	- 5T: Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm như: + Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái + Làm kính đeo mắt. + Cắt dán trang phục của bé		Xé, vẽ, cắt dán làm album về chủ đề bản thân.	
126	262	3	- Trẻ vẽ được các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản + Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái				
127	264		- Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. + Làm kính đeo mắt.				
128	265		- Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản				
129	266		- Trẻ có khả năng nhận xét				

			các sản phẩm tạo hình				
130	267	4	- Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái				
131	268		- Trẻ biết cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục + Cắt dán trang phục của bé				
132	269		- Trẻ biết làm lồm, đồ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. + Làm kính đeo mắt.				
133	270	5	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau: Vẽ chân dung bạn trai, bạn gái				
134	271		- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.				
135	273		- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. + Cắt dán trang phục của bé				
136	274		- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối: + Làm kính đeo mắt.				
137	275		- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối				
138	276		- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc,				

			hình dáng, bố cục.				
139	277	3	- Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc: Vì sao mèo rửa mặt, mời bạn ăn.	- 3T: Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc		*HĐH: Âm nhạc - VTTTC: Vì sao mèo rửa mặt, mời bạn ăn	
140	278	4	- Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc bài; Vì sao mèo rửa mặt, mời bạn ăn.	- 4T: + Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.			
141	279		- Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát			
142	280	5	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- 5T: + Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích			
143	281		- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn bài; Vì sao mèo rửa mặt, mời bạn ăn.	+ Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).			
144	282	3	- Trẻ có khả năng tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- 3T: Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích		- Hoạt động học: + Thực hành: Trẻ nêu ý tưởng định vẽ gì.	
145	283	4	- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	- 4T: Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích			
		5		- 5T: Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích			

146	284	3	- Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- 3,4,5T: Đặt tên cho sản phẩm của mình. - 4,5T: Nói lên ý tưởng tạo hình của mình		- Hoạt động học: + Thực hành: Tự đặt tên cho sản phẩm mình vừa tạo ra.	
		4					
		5					

BAN GIÁM HIỆU
(DUYỆT)

Phạm Thị Duyên